TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **384**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**.
2. Bà **Nguyễn Thị Vạn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1981 – Có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp 9, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Phan Tấn T**, sinh năm 1981 – Vắng mặt.
Địa chỉ: B4/23 ấp 2A, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn ngày 28/02/2018, bản tự khai ngày 15/5/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 03/7/2018 và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được các ngày 15/5/2018 và ngày 03/7/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Tấn T chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù ông bà đã cố gắng hàn gắn. Bà M và ông T đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông Phan Tấn T.

Về con chung: Bà M và ông T chung sống có 02 con chung tên là Phan Như Q (nữ), sinh ngày 22/12/2004 và Phan Trúc L (nữ), sinh ngày 12/02/2010. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con do bà M có khả năng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác nhận vợ chồng bà chung sống không có tài sản chung và không nợ ai, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Tấn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau: Về Tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị M đối với ông Phan Tấn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phan Tấn T. Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh ngày 11/6/2018 do Công an xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì ông Phan Tấn T đang cư trú tại địa chỉ: B4/23 ấp 2A, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Ông Phan Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

+ Bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/8/2005 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Phan Tấn T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M và ông Phan Tấn T chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành

phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù ông bà đã cố gắng hàn gắn. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ 2011 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông T.

Mặt khác, Công văn số 2867/UBND ngày 13/8/2018 (Công văn đến số 336/CVĐ ngày 13/3/2019) của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của bà Nguyễn Thị M có nội dung như sau:

"Hiện nay bà Nguyễn Thị M và ông Phan Tấn T không còn sống chung, đã ly thân từ năm 2011 đến nay.

Trong qua trình sinh sống tại địa phương giữa bà Nguyễn Thị M và ông Phan Tấn T có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, có dẫn đến đánh nhau, nguyên nhân do ông bà không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân. Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A chưa giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà M và ông T.

Hiện ông T và bà M có 2 người con chung tên Phan Trúc L, sinh ngày 12/02/2010 và Phan Như Q, sinh năm 2004 đang sống cùng bà M tại ấp 9, xã Phong T, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu…"

Như vậy, bà M và ông T mỗi người sống mỗi nơi không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cả hai đã ly thân từ năm 2011 đến nay đã hơn 07 năm. Mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Phan Tấn T đã không còn, bà M không muốn chung sống với ông T nữa.

Ông Phan Tấn T dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản thể hiện yêu cầu cầu của nguyên đơn gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, ông Phan Tấn T cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị M. Như vậy, ông Phan Tấn T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử xét nhận thấy việc bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với ông Phan Tấn T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Phan Tấn T.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ lời khai của bà M và Công văn số 2867/UBND ngày 13/8/2018 (Công văn đến số 336/CVĐ ngày 13/3/2019) của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của bà Nguyễn Thị M thì: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị M và ông Phan Tấn T có 02 con chung tên là Phan Như Q (nữ), sinh ngày 22/12/2004 và Phan Trúc L (nữ), sinh ngày 12/02/2010. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì hai trẻ đã sống cùng với bà Nguyễn Thị M từ nhỏ, kể cả trong thời gian bà M và ông T sống ly thân.

Mặt khác, căn cứ bản tự khai ngày 19/9/2018 thì hai trẻ Phan Như Q và Phan Trúc L có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Phan Thị Mai vì ông T đã lâu không thăm nom chăm sóc hai con, cũng không phụ giúp bà M nuôi con trong khoảng thời gian hai vợ chồng sống ly thân.

Tại phiên tòa ông Phan Tấn T vắng mặt, không có bất kỳ văn bản nào trình bày nguyện vọng về con chung khi ly hôn.

Xét thấy yêu cầu về con chung của bà Nguyễn Thị M là phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ và cũng thuận lợi nhất cho hai trẻ vì bà Nguyễn Thị M là mẹ lại gần gũi và chăm sóc con gái từ nhỏ nên bà Nguyễn Thị M có đầy đủ điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn ông Phan Tấn T.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về con chung. Giao hai trẻ Phan Như Q (nữ), sinh ngày 22/12/2004 và Phan Trúc L (nữ), sinh ngày 12/02/2010 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị M về việc không yêu cầu ông Phan Tấn T cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị M xác định bà và ông Phan Tấn T chung sống không có tài sản chung, không nợ ai.

Ông Phan Tấn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữ bà M và ông T.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Nguyễn Thị M và ông Phan Tấn T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Phan Tấn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Phan Tấn T chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Bình C,

Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/8/2005 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên là Phan Như Q (nữ), sinh ngày 22/12/2004 và Phan Trúc L (nữ), sinh ngày 12/02/2010 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phan Tấn T do bà M có khả năng và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị M xác định bà Nguyễn Thị M và ông Phan Tấn T chung sống không có tài sản chung, không nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà M và ông T.

Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0031513 ngày 08/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình C (2);
- Chi cục THADS H. Bình C (1);
- Các đương sự (4);
- UBND xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền